

Bản án số: **09** /2023/HNGD-ST
Ngày 16 tháng 03 năm 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Hồng Thăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Không tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 03 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm V, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang công tác tại: Đoàn Biên Phòng B, thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

(Anh H vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm V, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang công tác tại Trường THCS Lương Phú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Chị A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Tú A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P vào ngày 23/03/2011. Anh chị có

được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng bố mẹ đẻ anh ở tại Xóm V, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hay cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Hiện vợ chồng đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú A, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Huyền, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 16/9/2017. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án anh và chị Tú Anh đã thỏa thuận, anh trực tiếp nuôi cháu Huyền, chị Tú Anh trực tiếp nuôi cháu Hà. Do vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét ghi nhận sự thỏa thuận trên của anh và chị Tú Anh. Anh không yêu cầu chị Tú Anh cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh phải đi công tác xa nhà, nhưng có ông bà nội hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con, anh có thể đảm bảo cuộc sống tốt cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú A trình bày: Chị và Anh H tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2017 thì thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do Anh H là bộ đội thường xuyên đi công tác xa nhà, anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng nên hai bên thường bất đồng về nhiều mặt trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình, thiếu sự gắn kết, chia sẻ trong đời sống hôn nhân. Tuy nhiên, chị vẫn mong muốn Anh H suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ, chung sống cùng nhau để các con có bố, có mẹ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Huyền, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 16/9/2017. Trường hợp phải ly hôn chị nhất trí giao cho Anh H trực tiếp nuôi cháu Huyền, chị trực tiếp nuôi cháu Hà. Chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện P, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tú A đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải

thành vào ngày 02/02/2023. Tuy nhiên, đến ngày 07/02/2023 Chị A có đơn đề nghị thay đổi ý kiến, không nhất trí thuận tình ly hôn mà mong muốn Anh H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ. Thế nhưng, Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với Chị A và đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải, anh đề nghị giải quyết dứt điểm vụ án. Do vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tú A kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2011 ngày 23/03/2011. Vì nhiều nguyên nhân, nay anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú A có nơi cư trú tại Xóm V, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự: Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Tú A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do Anh H xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú A là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu. Nay Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin ly hôn Chị A. Tại phiên tòa Chị A cũng xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, chị vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để các con có bố, có mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa Anh H và Chị A đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được. Quá trình giải quyết cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh H vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với Chị A, phía Chị A không nhất trí ly hôn nhưng chị cũng không đưa ra được phương án nào để thuyết phục Anh H về đoàn tụ gia đình. Hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng Anh H, Chị A đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của Anh H,

cho Anh H được ly hôn với Chị A là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H và Chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Huyền, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 16/9/2017. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Huyền, và đồng ý giao cháu Hà cho Chị A trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa Chị A cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Hà và nhất trí giao cháu Huyền cho Anh H trực tiếp nuôi. Anh H, Chị A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Huyền cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố và ông bà Nội. Do vậy, cần giao cho Anh H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Khánh Huyền, sinh ngày 23/7/2011, Chị A trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 16/9/2017 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và Chị A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, Anh H và Chị A, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và Chị A đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, cho Anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú A.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khánh Huyền, sinh ngày 23/7/2011; chị Nguyễn Thị Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thu Hà, sinh ngày 16/9/2017 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Anh H và Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh H và Chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003038 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Chị A báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã L;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy